

BÀI TẬP BỔ TRỢ VÀ NÂNG CAO SỐ 15

GRADE 4

I. Khoanh tròn vào từ khác nhóm.

- | | | | |
|----------------|-------|--------|--------|
| a, of | is | at | in |
| b, her | your | he | his |
| c, ice - cream | pen | orange | banana |
| d, socks | class | hat | shirt |

II. Nghe và đánh số



III. Nối các câu hỏi ở cột A với câu trả lời ở cột B

A

1. What is your name?
2. How do you spell it?
3. Who is your teacher?
4. Where is she from?
5. Would you like some Coca-cola?

B

- a. Yes, please.
- b. She is from Viet Nam.
- c. P – E – T – E – R.
- d. Mrs Lan.
- e. My name is Peter.

IV. Chọn đáp án đúng.

1. They are (paint/ painting/ paints/ painted) a nice picture in the classroom.
2. Was she English? – Yes, she (isn't/ is/ was/ wasn't)
3. My mother can (plays/ play/ playing/ played) the piano very well.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

- Mai and Kien (watch/ are watching/ watches/ watched) a video last night.
- Mai (gets up/ got up/ getting up/ get up) late this morning

V. Hoàn thành các câu sau đây.



- My brother lik _ s toys very much.
- Peter _ _ from Americ _ .
- I c _ n swim but I can't d _ nce.
- Can you sp _ _ k English?
- When is h _ r birthday?
- Would you like a cand _ ? - Yes,
- The we _ _ her is fine today.
- Where _ r _ the dolls?
- The building is very ta _ l.
- I was b _ _ n in April.



VI. Đọc và trả lời câu hỏi.

Li Li and Mai are in the sclothing store. Li Li wants a pair of shorts for her brother. Mai wants a skirt. She likes a red skirt because she has a white T. shirt to go with it. A pair of shorts is 35 000 dong. The skirt is 20,000 dong.

- Who are in the clothing store ?.....
- What does Mai want ?
- How much is the red skirt?

VII. Nhìn tranh, đọc và đánh dấu (v) nếu thông tin là đúng hoặc (X) nếu thông tin sai.

1. 	I prefer badminton	<input type="checkbox"/>
2. 	She is wearing a T-shirt and skirt	<input type="checkbox"/>

3. 	He goes to school at 6:30	<input type="checkbox"/>
4. 	My favourite food is noodles	<input type="checkbox"/>

VIII. Hãy sắp xếp các từ theo đúng thứ tự để tạo thành câu có nghĩa .

1. color / like / you / do / What /?

2. favorite / My / is / color / brown /.

3. and / I / ice-cream / want / cake /.
